

Bản án số: **920/2019/DS-ST**

Ngày: 18/12/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2018/TLST-DS ngày 03/10/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2019/QĐST-DS ngày 19/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty tài chính TNHH MB S.**

Địa chỉ: phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: xã B, Huyện V, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MB S có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Vào ngày 27/4/2017, ông Nguyễn Hoàng A có ký hợp đồng vay tiền với Công ty tài chính TNHH MB S để vay số tiền 42.200.000 đồng (bốn mươi hai

triệu hai trăm nghìn đồng), lãi suất vay là 3.75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 2.378.898 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm chín mươi tám đồng). Theo như thỏa thuận hợp đồng thì A có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 42.200.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng), trong thời hạn 30 tháng, thanh toán vào ngày 25 tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 27/4/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì A có thanh toán cho công ty với 10 kỳ với tổng số tiền 23.790.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Từ ngày 10/12/2018, A không thanh toán cho công ty, mặc dù đã được nhiều lần công ty yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng A không trả.

Nay bà T đại diện cho Công ty tài chính TNHH MB S yêu cầu A phải trả cho Công ty tài chính TNHH MB S số tiền nợ gốc là 24.251.127 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi là 22.804.764 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), phí 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng) và phạt vi phạm hợp đồng $8\% \times 42.200.000$ đồng = 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền A phải trả cho Công ty tài chính TNHH MB S là 50.443.891 đồng (năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi một đồng), trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu A phải trả lãi chậm trả kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi trả hết nợ. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì ngân hàng có niêm yết công khai và báo cáo đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MB S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng A, A có nơi cư trú tại xã B, Huyện V nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông

Nguyễn Hoàng A theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Hoàng A vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo trình tự luật định và ông Nguyễn Hoàng A phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của A.

[5] Ngày 27/4/2017, ông Nguyễn Hoàng A có ký hợp đồng vay với Công ty tài chính TNHH MB S để vay số tiền 42.200.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng), lãi suất vay là 3.75%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm trả số tiền 42.200.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng), trong thời hạn 30 tháng, thanh toán vào ngày 25 tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 27/4/2017.

[6] Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hoàng A đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng nhưng chỉ thực hiện thanh toán cho Công ty số tiền 23.790.000 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Từ ngày 10/12/2018 cho đến nay, ông Nguyễn Hoàng A không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Công ty mặc dù Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhắc nhở.

[7] Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Qua xem xét hợp đồng vay tiền lập ngày 27/4/2017 giữa Công ty tài chính TNHH MB S và ông Nguyễn Hoàng A là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, căn cứ vào giấy báo nợ, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/12/2018 cho đến nay, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 24.251.127 đồng (hai mươi

bốn triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi là 22.804.764 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), phí 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng) và phạt vi phạm hợp đồng 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty tài chính TNHH MB S là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Đối với yêu cầu của Công ty về phạt vi phạm hợp đồng với mức 8% x 42.200.000 đồng = 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015 và căn cứ vào khoản 4 Điều 13 và khoản 1 Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 thì Công ty tài chính TNHH MB S yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 8% là phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi phạt của Công ty tài chính TNHH MB S đối với ông Nguyễn Hoàng A với số tiền 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[10] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty tài chính TNHH MB S, buộc ông Nguyễn Hoàng A phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ cho Công ty tài chính TNHH MB S số tiền nợ gốc là 24.251.127 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi là 22.804.764 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), phí 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng) và phạt vi phạm hợp đồng 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền ông Nguyễn Hoàng A phải trả cho Công ty tài chính TNHH MB S là 50.443.891 đồng (năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi một đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc

buộc ông Nguyễn Hoàng A tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.522.195 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng); nguyên đơn được hoàn lại tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 418, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MB S đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MB S số tiền nợ gốc là 24.251.127 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi là 22.804.764 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), phí 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng) và phạt vi phạm hợp đồng 3.376.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền ông Nguyễn Hoàng A phải trả cho Công ty tài chính TNHH MB S là 50.443.891 đồng

(năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi một đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.522.195 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

- Hoàn lại cho Công ty tài chính TNHH MB S số tiền tạm ứng án phí là 1.223.499 đồng (một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0006057 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định